

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26 /2023/HNGĐ - ST**

Ngày: 08-6-2023

V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Đức

2. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung – Thư ký Tòa án của TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị T** - sinh năm: 1990 – Nơi cư trú: đường T, phường N, quận S, Đà Nẵng. có mặt

- Bị đơn: Ông **Trịnh Văn T** – sinh năm: 1988 – Nơi cư trú: đường T, phường N, quận S, Đà Nẵng. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam quân sự khu vực Miền bắc T974 xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2023 và bản tự khai ngày 05/5/2023 nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T kết hôn vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, đăng ký tại UBND phường T, quận T, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 63/2014, quyển số 01 ngày 03/7/2014. Sau khi kết hôn ông bà sống tại đường T, phường N, quận S, Đà Nẵng. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, do không tin tưởng về mặt tình cảm và kinh tế, tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, văn hóa vùng miền khác nhau. Năm 2019, bà T đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng vì dịch bệnh covid 19 và con còn nhỏ nên bà đã rút đơn về. Hiện nay ông Trịnh Văn T đang chấp hành án 16 năm về tội mua bán trái phép chất ma túy tại trại giam T974 xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nay về tình cảm bà T xác nhận không còn yêu thương ông T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

- Về quan hệ con chung: bà T xác định có 02 con chung là: Trịnh Hoàng Gia H – sinh ngày: 07/02/2015 và Trịnh Hoàng Cát T – sinh ngày: 7/11/2018. Ly hôn

nguyện vọng của bà T được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà T xác định không có.

- Bị đơn, ông Trịnh Văn T do hiện đang chấp hành án tại trại giam quân sự khu vực Miền bắc T974 xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, có đơn xin xét xử vắng mặt có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Ông T thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như bà T trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không hợp. Nay bà T xin ly hôn thì ông T đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: ông xác định có 02 con chung là: Trịnh Hoàng Gia H – sinh ngày: 07/02/2015 và Trịnh Hoàng Cát T – sinh ngày: 7/11/2018. Ông T đồng ý giao 02 con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: ông T xác định không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T về việc ly hôn với ông Trịnh Văn T.

Về con chung: Giao 02 con là Trịnh Hoàng Gia H – sinh ngày: 07/02/2015 và Trịnh Hoàng Cát T – sinh ngày: 7/11/2018 cho bà Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Trịnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: hai bên xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa nguyên đơn bà Hoàng Thị T với bị đơn ông Trịnh Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án nhân dân quận S đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Hoàng Thị T xây dựng gia đình với ông Trịnh Văn T vào năm 2014, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 63/2014, quyển số 01 ngày 03/7/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Sau khi kết hôn ông bà về sống tại đường T, phường N, quận S, Đà Nẵng. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay ông Trịnh Văn T đang chấp hành án 16 năm về tội mua bán trái phép chất ma túy tại trại giam T974 xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nay bà T xác định không còn yêu thương ông T nữa nên xin được ly hôn. Còn bị đơn ông T thống nhất ly hôn với bà T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung T, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà T, ông T lại không làm được điều này. Từ khi kết hôn năm 2014 đến nay cả hai chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra các bên đều không có giải pháp gì để hàn gắn và xây dựng lại gia đình. Mặt khác tình trạng hôn nhân bà T trình bày cũng phù hợp với các thông tin mà chính quyền địa phương cung cấp. Hiện tại, ông T, bà T đều xác định không còn tình cảm với nhau và đề nghị giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn của bà T, ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy HĐXX xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận cho bà T được ly hôn ông T theo quy định tại điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà T, ông T xác định có 02 con chung là: Trịnh Hoàng Gia H – sinh ngày: 07/02/2015 và Trịnh Hoàng Cát T – sinh ngày: 7/11/2018. Bà T, ông T thống nhất giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con cả về thể chất lẫn tinh thần, phù hợp với tình hình thực tế của các bên và nguyện vọng của cháu H cũng như quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: bà Hoàng Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung : Bà T và ông T tự thỏa thuận nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà T và ông T xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[8] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[9] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Hoàng Thị T đối với ông Trịnh Văn T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Trịnh Văn T (*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của Hoàng Thị T đối với ông Trịnh Văn T nên giấy chứng nhận kết hôn hôn 63/2014, quyển số 01 do UBND phường T, quận T, TP Đà Nẵng cấp ngày 03/7/2014 không còn giá trị pháp lý*)

2. Về con chung: Giao 02 con chung là: Trịnh Hoàng Gia H – sinh ngày: 07/02/2015 và Trịnh Hoàng Cát T – sinh ngày: 7/11/2018 cho bà Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Trịnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có đề cập đến

4. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Hoàng Thị T phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, TP. Đà Nẵng biên lai thu số 0003662 ngày 13 tháng 4 năm 2023.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường T, quận T, Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh

